

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/DS-ST
Ngày: 22-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Hữu Nghĩa;
- Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tống Hoàng Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Hà Thuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2024/TLST-DS, ngày 06 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1;

Địa chỉ trụ sở: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Bà Nguyễn Đức Thạch D – chức vụ: Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Đức Thạch D: ông Phan Thanh S – chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh T2 kiêm Trưởng Phòng G (Quyết định ủy quyền số: 3525/2023/QĐ-PC ngày 25-12-2023);

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Phan Thanh S: chị Nguyễn Thị Huỳnh K, sinh năm 1986; địa chỉ: đường N, khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; chức vụ: chuyên viên quản lý tín dụng và KSRR – là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 212/2024/GUQ-PGD.TB ngày 01-11-2024), vắng mặt.

- Bị đơn: chị Lò Thị Tuyết T, sinh năm 1991; cư trú tại: tổ A, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh K trình bày:

Ngày 10-10-2023 chị Lê Thị Tuyết T ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S1 - Chi nhánh T2 - P (gọi tắt là Ngân hàng), bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và điều kiện, điều khoản phát hành, sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng (các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập chị T từ công việc công nhân, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho chị T với mục đích tiêu dùng cá nhân, chi tiết cụ thể như sau:

- Loại thẻ: V
- Số thẻ: 436438-9413;
- Số tài khoản: 3031161809;
- Hạn mức sử dụng: 50.000.000 đồng;
- Ngày đến hạn thanh toán: ngày 05 hàng tháng;
- Lãi suất lúc phát hành thẻ: 29,8%/năm (lãi suất thay đổi theo từng kỳ và được Ngân hàng niêm yết tại www.S2.com.vn)
- Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, chị T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 51.270.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ, chị T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 4.145.000 đồng (căn cứ theo Điều 5 của Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng chị T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do **chị T** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng), ngày 10-7-2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với số tiền là 58.698.105 đồng. Mặc dù Ngân hàng nhiều lần thông báo cho chị T biết khoản nợ quá hạn bằng nhiều phương thức khác nhau như: gọi điện thoại, trực tiếp đến nhà chị T và thông báo qua ứng dụng “S2 pay”, tuy nhiên đến nay chị T vẫn không thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng TMCP S1 yêu cầu chị Lê Thị Tuyết T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc, tiền lãi tạm tính đến ngày 22-5-2025 là 86.524.513 đồng (gồm: tiền nợ gốc 58.698.105 đồng, tiền lãi trong hạn 18.550.939 đồng, lãi quá hạn 9.275.469 đồng), yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất đã ký kết trong hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng (nguyên đơn) trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ và thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt đương sự là phù hợp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được Thẩm phán công khai khi giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị T có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S1 - Chi nhánh T2 - P và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ theo hợp đồng, nên Ngân hàng thương mại cổ phần S1 yêu cầu chị T trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến 22-5-2025 là 86.524.513 đồng, gồm tiền nợ gốc 58.698.105 đồng, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn 27.826.408 đồng và yêu cầu trả lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1 đối với chị Lê Thị Tuyết T về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc chị Lê Thị Tuyết T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền nợ tính đến ngày 22-5-2025 là 86.524.513 đồng, gồm tiền nợ gốc 58.698.105 đồng, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn 27.826.408 đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất đã ký kết trong hợp đồng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Huỳnh K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; chị T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị K và chị T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1, thấy rằng: Ngân hàng TMCP S1 cung cấp chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cho khách hàng Lờ Thị Tuyết T ngày 10-10-2023; tóm tắt sao kê thẻ tín dụng ngày 04-10-2024, 22-5-2025 (bản chính); Điều khoản và điều kiện phớt hành, sử dụng thẻ cổ nhỡn; chị T khụng cung cấp chứng cứ. Các chứng cứ nêu trên đã được Tòa án mở phiên họp công khai và thông báo cho các đương sự trong vụ án biết nhưng không có đương sự nào có ý kiến phản đối. Căn cứ các Điều 91, 92, 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là nguồn chứng cứ dùng để giải quyết vụ án.

[2.2] Tại giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 10-10-2023 của chị T, được Ngân hàng TMCP S1 đồng ý cấp hạn mức tín dụng dưới dạng thẻ tín dụng với mục đích tiêu dùng cá nhân, hai bên thỏa thuận cụ thể: loại thẻ: V; số thẻ: 436438-9413; số tài khoản: 3031161809; hạn mức sử dụng: 50.000.000 đồng; ngày đến hạn thanh toán: ngày 05 hàng tháng; lãi suất tại thời điểm làm thẻ: 29,8%/năm và lãi suất quá hạn. Khi ký kết hợp đồng, hai bên hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng cũng như điều kiện chung trong giao kết hợp đồng cấp thẻ của Ngân hàng, căn cứ các Điều 398, 401, 406 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận giao kết hợp đồng cấp và sử dụng thẻ giữa Ngân hàng TMCP S1 với chị T là hợp pháp.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ nhưng chị Thanh vắng M không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng. Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ thể hiện, sau khi được cấp thẻ tín dụng, chị T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 86.524.513 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ, chị T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 4.145.000 đồng, sau đó chị T không thanh toán tiền cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 10-7-2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo Điều 5 Hợp đồng). Mặc dù Ngân hàng nhiều lần thông báo cho chị T biết khoản nợ quá hạn bằng nhiều phương thức khác nhau nhưng đến nay chị T vẫn không thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng.

[2.4] Do đó, có đủ cơ sở khẳng định chị T đã vi phạm các điều, khoản về nghĩa vụ thanh toán đã ký kết với Ngân hàng và Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Thanh thanh T1 tiền dư nợ gốc 58.698.105 đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn tính đến ngày 22-5-2025 là 27.826.408 đồng; tổng cộng số tiền 86.524.513 đồng theo Hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký kết ngày 10-10-2023 là có căn cứ, phù hợp với các Điều 282, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

[3] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1 với chị T về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc chị Lê Thị Tuyết T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S1 tiền nợ gốc 58.698.105 đồng và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 22-5-2025 là 27.826.408 đồng. Tổng cộng số tiền 86.524.513 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền mà yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1 được chấp nhận, theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, cụ thể: $86.524.513 \text{ đồng} \times 05\% = 4.326.225 \text{ đồng}$ (làm tròn 4.326.000 đồng);

[4.2] Ngân hàng TMCP S1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 282, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1 đối với chị Lê Thị Tuyết T về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Buộc chị Lê Thị Tuyết T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S1 tiền nợ gốc 58.698.105 đồng và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 22-5-2025 là 27.826.408 đồng; tổng cộng số tiền là 86.524.513 (tám mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm mười ba) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (23-5-2025), chị Lê Thị Tuyết T cũn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán

xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng (chị T) vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lê Thị Tuyết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.326.000 (bốn triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn) đồng.

Ngân hàng TMCP S1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S1 1.744.000 (một triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng tiền tạm ứng ỏn phớ đồn sự sơ thẩm đố nộp tại biên lai thu số 0005349 ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành ỏn đồn sự huyện Tôn Biên, tỉnh Tõy Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP S1, chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Vân

